

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HS-ST

Ngày 07-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Huệ Anh

Ông Nguyễn Trọng Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2557/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, đối với bị cáo:

Phan Ngọc T, sinh năm 1982 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: Số D H, Khu phố G, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Nhà T, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn P (chết) và bà Đỗ Thị Ngọc T1, sinh năm 1965; chồng: Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2020; tiền án: không; tiền sự:

không; bị tạm giữ từ ngày 26/4/2023 đến ngày 29/4/2023 được trả tự do; bị cáo tại ngoại; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Nhật N là Luật sư - Văn phòng luật sư Nguyễn Hữu D thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Hoàng N1, sinh năm 2001; nơi cư trú: ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1994; nơi đăng ký thường trú: Số C C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Nhà T, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Huy C, sinh năm 1978; nơi cư trú: Ấp C, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

4. Chị Dương Thị Hồng H1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số I Khu phố G, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 10 giờ ngày 26/4/2023, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B phối hợp với Công an thành phố B bắt quả tang Phan Ngọc T có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Hoàng N1 tại phòng số 8, Nhà T thuộc ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

* Tang vật thu giữ khi bắt quả tang: Thu trong túi quần trước bên trái của Nguyễn Hoàng N1 01 (một) gói nylon màu trắng, hàn kín bốn phía, bên trong có nhiều hạt tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy (niêm phong trong phong bì ký hiệu M).

Tiến hành khám xét khẩn cấp theo Lệnh khám xét khẩn cấp số: 08/LKX-ĐCSMT ngày 26/4/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đối với Phan Ngọc T tại phòng số 8 và phòng số 9, Nhà T thuộc ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Kết quả:

* *Khám xét phòng số 8 phát hiện và thu giữ:*

- 01 (một) điện thoại di động hiệu VSMART màu đỏ (được niêm phong trong phong bì ký hiệu K2); 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng, (được niêm phong trong phong bì ký hiệu K1); 01 (một) điện thoại di động IPHONE màu trắng

(được niêm phong trong phong bì ký hiệu K2). Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành thủ tục mở niêm phong kiểm tra xác định: 01 (một) điện thoại di động hiệu VSMART màu đỏ, màn hình bị nứt, có 01 sim số imei 8984-0480-0033-1330-504, có số thuê bao 0394162872; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng, không có sim số điện thoại; 01 (một) điện thoại di động IPHONE màu trắng, không có sim số điện thoại.

- 01 (một) nỏ thủy tinh; 01 (một) bình sử dụng ma túy tự chế, phía dưới bằng thủy tinh, phía trên bằng nhựa có nắp đậy màu đỏ, trên nắp có gắn 01 (một) ống hút loại ống hút nước màu trắng và 01 (một) nỏ thủy tinh.

- 01 (một) túi nylon màu trắng, kín ba phía, phía còn lại có rãnh khép, túi nylon có kích thước (04 x 06)cm, bên trong túi nylon có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy (niêm phong trong phong bì ký hiệu K4)

- 01 (một) túi nylon màu trắng, kín ba phía, phía còn lại có rãnh khép và vạch màu đỏ, có kích thước (07 x 04)cm, bên trong túi nylon có:

- + 08 (tám) gói nylon màu trắng, hàn kín bốn phía có nhiều kích thước khác nhau, bên trong tất cả các gói nylon đều có chứa tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy.

- + 01 (một) gói nylon màu trắng, hàn kín bốn phía bên trong có chứa chất màu trắng nghi là chất ma túy.

- 01 (một) túi nylon màu trắng, kín ba phía, phía còn lại có rãnh khép và vạch màu đỏ, bên trong túi nylon có 05 (năm) gói nylon màu trắng hàn kín bốn phía, bên trong mỗi gói nylon đều có chứa chất màu trắng nghi là ma túy.

(Tất cả 02 túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu K5)

- 10 (mười) túi nylon màu trắng, kín ba phía, phía còn lại có rãnh khép và vạch màu đỏ, có cùng kích thước (05 x 8,5) cm, bên trong rỗng; 15 (mười lăm) túi nylon

màu trắng, kín ba phía, phía còn lại có rãnh khép và vạch màu đỏ, có cùng kích thước (05 x 9) cm, bên trong rỗng.

- 01 (một) khoen sắt tròn có 05 (năm) chìa khóa kim loại màu trắng và một chìa khóa xe honda.

- 01 (một) giỏ xách nữ, trên giỏ xách có chữ “COACH NEW YORK”.

- Tiền Việt Nam 15.950.000 đồng (mười lăm triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

** Khám xét tại phòng số 9 phát hiện và thu giữ:*

- 01 (một) bóp nhựa màu đen có dây kéo.

- 01 (một) túi nylon màu trắng, kín ba phía, phía còn lại có rãnh khép và vạch màu đỏ, có kích thước (11 x 07) cm, bên trong túi nylon có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy.

- 01 (một) túi nylon màu trắng, kín ba phía, phía còn lại có rãnh khép, có kích thước (6,5 x 5) cm, bên trong túi nylon có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy.

(02 (hai) túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu K6).

Quá trình điều tra, Phan Ngọc T khai nhận: Do hoàn cảnh khó khăn, chồng là Nguyễn Văn H đang bị bắt giam về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và phải nuôi con nhỏ tên Nguyễn Phan Hoàng T2, sinh ngày 01/11/2020; bản thân Thùy nghiện ma túy nên khoảng thời gian đầu tháng 03/2023, T bắt đầu mua ma túy về bán lại cho người khác để kiếm lời và có ma túy để sử dụng. Khoảng ngày 22/4/2023, T liên hệ với người nữ tên P1 ở Thành phố Hồ Chí Minh (không rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại của P1) mua 2.000.000 đồng ma túy loại Heroin và 8.000.000 đồng ma túy loại Methamphetamine. Ngày 23/4/2023, P1 gửi ma túy bằng cách gửi đồ qua nhà xe M về Bến Tre, sau đó P1 thông báo cho T biết để nhận ma túy. Thùy đã liên hệ nhà xe Minh T3 và nhờ người đàn ông làm nghề chạy xe ôm đem gói đồ P1 gửi bên trong có chứa ma túy đến nhà trọ cho T. Sau khi nhận được ma túy, T lấy ra một ít ma túy cất giấu ở phòng số 8 nơi Thùy ở để bán và sử dụng; số ma túy còn lại Thùy để trong bóp nhựa màu đen có dây kéo và cất giữ trong phòng số 9 (phòng T sử dụng để đồ). Vào khoảng 10 giờ ngày 26/4/2023, T đang ở phòng số 8 thì Nguyễn Hoàng N1 đến mua 01 (một) gói ma túy đá với giá 300.000 đồng. N1 đưa cho T 300.000 đồng, T đưa cho N1 01 (một) gói nylon màu trắng, hàn kín bốn phía, bên trong gói nylon có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng là ma túy đá, T vừa bán ma túy cho N1 và để tiền 300.000 đồng vào giỏ xách thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Ngoài bán ma túy cho N1 ngày 26/4/2023 bị bắt thì trước đó T còn bán ma túy cho N1

khoảng 02 lần mỗi lần là một gói ma túy đá với giá 300.000 đồng và 200.000 đồng, nhưng T không nhớ ngày, chỉ nhớ thuộc tháng 4 năm 2023 và cách khoảng 02 ngày thì N1 đến mua ma túy một lần. Tổng số tiền thu lợi từ việc bán ma túy cho N1 là 800.000 đồng.

Ngoài bán ma túy cho Nguyễn Hoàng N1, Phan Ngọc T thừa nhận có bán ma túy cho các đương sự sau:

- Bán cho Nguyễn Thị Ngọc G (sinh năm 1994; đăng ký thường trú: Số C C, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Phòng số 10, Nhà T ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre) khoảng ba lần mỗi lần là 600.000 đồng ma túy loại heroin nhưng T không nhớ ngày, chỉ nhớ lần gần nhất là tối ngày 25/4/2023 tại phòng số 8 Thùy bán cho Giào 600.000 đồng ma túy loại heroin. Tiền bán ma túy cho Giào T4 để vào giỏ xách chung với tiền bán ma túy cho N1 ngày 26/4/2023. Tổng số tiền thu lợi từ việc bán ma túy cho G là 1.800.000 đồng.

- Bán cho Nguyễn Huy C (sinh năm 1978; đăng ký thường trú: Ấp C, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre) khoảng ba lần mỗi lần là 600.000 đồng ma túy loại heroin nhưng T4 không nhớ ngày, chỉ nhớ lần gần nhất cách ngày T4 bị bắt khoảng 10 ngày thuộc tháng 4/2023 tại phòng số 8, T4 bán cho C 600.000 đồng ma túy loại heroin. Tổng số tiền thu lợi từ việc bán ma túy cho C là 1.800.000 đồng.

Ngoài ra, Phan Ngọc T còn khai nhận toàn bộ số ma túy Cơ quan điều tra thu giữ qua khám xét tại phòng số 8 và phòng số 9 nhà trọ Tường Vy đều là của Thùy cất giữ nhằm mục đích bán và sử dụng. Phan Ngọc T đồng ý giao nộp lại số tiền 4.400.000 đồng thu lợi từ việc bán ma túy.

Ngày 26/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ra Quyết trưng cầu giám định số 49/QĐ-CSMT, trưng cầu Phòng K Công an tỉnh B giám định tang vật nghi là chất ma túy được thu giữ, niêm phong trong các phong bì ký hiệu M, K4, K5, K6.

* Tại Bản kết luận giám định số: 305A/2023/KL-KTHS ngày 28/4/2023 và Bản kết luận giám định số: 305B/2023/KL-KTHS ngày 07/5/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) gói nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu M gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; khối lượng:

0,0510 gam. (Không hoàn lại mẫu vật sau giám định do đã sử dụng hết trong quá trình giám định).

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu K4 gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; khối lượng: 1,5737 gam. (Mẫu vật hoàn lại, có khối lượng 1,4442 gam).

- Tinh thể màu trắng đựng trong 08 (tám) gói nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu K5 gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; khối lượng: 1,8589 gam (mẫu vật hoàn lại có khối lượng 1,7403 gam); Chất màu trắng đựng trong 01 (một) gói nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu K5 gửi giám định là ma túy; loại: Heroine; khối lượng: 0,1526 gam (mẫu vật hoàn lại có khối lượng 0,1152 gam); Chất màu trắng đựng trong 05 (năm) gói nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu K5 gửi giám định là ma túy; loại: Heroine; khối lượng: 2,2030 gam (mẫu vật hoàn lại có khối lượng 2,0497 gam).

- Tinh thể màu trắng đựng trong 02 (hai) túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu K6 gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; khối lượng: 44,7629 gam (Mẫu vật hoàn lại có khối lượng 41,2504 gam).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B trả cho Phan Ngọc T số tiền 2.000.000 đồng là tiền của Dương Thị Hồng H1 (sinh năm 1988; đăng ký thường trú: Số I, Khu phố G, phường A, Thành phố B, tỉnh Bến Tre) gửi cho T giữ gìn.

Tại Bản cáo trạng số: 47/CT-VKSBT-P1 ngày 19/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố Phan Ngọc T về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Phan Ngọc T vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra có lời khai: vào khoảng 10 giờ ngày 26/4/2023, tại phòng số 8 nhà trọ Tường V, bị cáo bán cho Nguyễn Hoàng N1 300.000 đồng ma túy đá thì bị lực lượng Công an bắt quả tang; trước đó bị cáo có bán ma túy cho N1 khoảng 02 lần mỗi lần là 01 gói ma túy đá với giá 300.000 đồng và 200.000 đồng; tổng số tiền bị cáo thu lợi từ việc bán ma túy cho N1 là 800.000 đồng. Ngoài ra; bị cáo còn bán ma túy cho Nguyễn Thị Ngọc G khoảng ba lần mỗi lần là 600.000 đồng ma túy loại heroin, tổng số tiền bị cáo thu lợi từ việc bán ma túy cho G là 1.800.000 đồng; bị cáo bán ma túy cho Nguyễn Huy C khoảng ba lần mỗi lần là 600.000 đồng ma túy loại heroin, tổng số tiền bị cáo thu lợi từ việc bán ma túy cho C là 1.800.000 đồng. Toàn bộ số ma túy mà Cơ quan điều tra thu giữ qua khám xét tại phòng số 8 và phòng số 9 nhà trọ Tường Vy đều là của bị

cáo cất giữ nhằm mục đích bán và sử dụng, bị cáo đồng ý giao nộp lại số tiền 4.400.000 đồng thu lợi từ việc bán ma túy. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Bản cáo trạng truy tố.

- Người làm chứng Nguyễn Hoàng N1 vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra có lời khai (bút lục số 245): khoảng 09 giờ ngày 26/4/2023, tại phòng số H nhà T, anh có mua ma túy đá của bị cáo Phan Ngọc T với số tiền 300.000 đồng thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Ngoài ra trước đó anh còn mua ma túy đá của bị cáo T 03 lần, cụ thể: Lần 1: khoảng 11 giờ ngày 20/4/2023, anh đến phòng thuê trọ của bị cáo T mua 500.000 đồng ma túy đá; Lần 2: khoảng 10 giờ ngày 22/4/2023, anh đến phòng thuê trọ của bị cáo T mua 300.000 đồng ma túy đá; Lần 3: khoảng 13 giờ ngày 25/4/2023, anh đến phòng thuê trọ của bị cáo T mua 300.000 đồng ma túy đá.

- Người làm chứng Nguyễn Thị Ngọc G vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra có lời khai (bút lục số 351): Chị mua ma túy của bị cáo Phan Ngọc T khoảng 3 lần, mỗi lần mua số tiền 600.000 đồng ma túy loại heroin, mua tại phòng trọ số H nhà T nơi bị cáo T ở. Chị mua ma túy của bị cáo T vào ngày 25/4/2023 số tiền 600.000 đồng ma túy loại heroin, 02 lần còn lại mua khoảng ngày 22/4/2023 và 24/4/2023.

- Người làm chứng Nguyễn Huy C vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra có lời khai (bút lục số 328): Anh mua ma túy của bị cáo Phan Ngọc T khoảng ba lần, nhưng chỉ nhớ lần gần nhất cách ngày bị cáo T bị bắt khoảng 10 ngày thuộc tháng 4/2023, khoảng 10 giờ anh qua phòng số 8 nơi bị cáo T ở mua 600.000 đồng ma túy loại heroin, bị cáo T trực tiếp bán cho anh. Còn những lần sau đó do Nguyễn Thị Ngọc G mua ma túy của bị cáo T đưa cho anh sử dụng.

- Người làm chứng Dương Thị Hồng H1 vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra có lời khai (bút lục 269, 356): khoảng 08 giờ ngày 26/4/2023, chị đến phòng trọ của bị cáo Phan Ngọc T để phụ giữ con và quét dọn phòng cho T. Đến khoảng 10 giờ chị nghe có tiếng của người nam đứng trước cửa phòng nói “chị T lấy em 300.000 đồng đá”, ý người này muốn mua 300.000 đồng ma túy đá, sau khi bị bắt chị mới biết người nam tên Nguyễn Hoàng N1. Thùy trả lời “ừ”. N1 vén màn định đi vào phòng thì T nói đứng ở ngoài đừng vô, N1 cầm tiền đưa qua tấm rèm, T ngồi trên giường nhận tiền, do lúc này chị đang nấu nước nên không nhìn thấy và không biết T có đưa vật gì cho N1 không nhưng lực lượng Công an ập vào bắt. Chị nghe N1 khai vừa mua của T 300.000 đồng ma túy đá và Công an thu giữ trong túi quần phía trước bên trái của N1 01 túi ma túy đá, còn T không thừa nhận việc bán ma túy cho N1. Ngày 26/4/2023, chị có nhờ T giữ giùm số tiền 2.000.000 đồng, tiền này do chị

bán xe mà có. Chi yêu cầu nhận lại số tiền 2.000.000 đồng này và Phan Ngọc T đã trả xong cho chi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: khẳng định Bản cáo trạng số: 47/CT-VKSBT-P1 ngày 19/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Phan Ngọc T về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phan Ngọc T phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Ngọc T từ 15 năm đến 17 năm tù;

Về xử lý vật chứng: căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

* Trả lại cho bị cáo Phan Ngọc T:

- + 01 (một) điện thoại di động OPPO màu vàng, không có sim điện thoại;
- + 01 (một) điện thoại di động IPHONE màu trắng, không có sim điện thoại;
- + Số tiền 9.550.000 đồng (số tiền còn lại sau khi bị cáo tự nguyện nộp số tiền 4.400.000 đồng thu lợi bất chính).

* Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

- + Số tiền 4.400.000 đồng thu lợi bất chính của bị cáo (do bị cáo tự nguyện giao nộp trong tổng số tiền 13.950.000 đồng đã thu giữ).

- + 01 (một) điện thoại di động hiệu VSMART màu đỏ, màn hình bị nứt, 01 (một) sim điện thoại có số IMEI 8984-0480-0033-1330-504, số thuê bao 0394162872 là điện thoại bị cáo dùng liên lạc mua ma túy.

* Tịch thu tiêu hủy các vật chứng còn lại theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/7/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh B với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;

- Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: đồng ý Bản cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đồng ý giao nộp số tiền thu lợi bất chính 4.400.000 đồng, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo không còn cha, có 01 người em ruột đã chết, có mẹ lớn tuổi mất khả năng lao động, có 01 người con dưới 36 tháng tuổi, có chồng đang bị tam giam về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án

thấp nhất của khung hình phạt đề bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng, lo cho gia đình. Về vật chứng của vụ án được thu giữ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa; bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa; khi khai mạc phiên tòa bị cáo có mặt, nhưng sau đó bị cáo cho rằng vì lý do sức khỏe không bảo đảm để tham gia phiên tòa nên có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy trong quá trình điều tra bị cáo đã có lời khai làm rõ tình tiết của vụ án, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt bị cáo không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án và bị cáo đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự; người làm chứng vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra đã có lời khai làm rõ tình tiết của vụ án, việc vắng mặt người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: trong khoảng thời gian từ đầu tháng 3/2023 đến 26/4/2023, tại nhà T thuộc ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre, bị cáo Phan Ngọc T đã có hành vi 09 lần bán ma túy cho người nghiện với tổng số tiền 4.400.000 đồng, cụ thể như sau: 03 lần bán trái phép ma túy loại heroin cho Nguyễn Thị Ngọc G với tổng số tiền 1.800.000 đồng; 03 lần bán trái phép ma túy loại heroin cho Nguyễn Huy C với tổng số tiền 1.800.000 đồng; 03 lần bán trái phép ma túy loại Methamphetamine cho Nguyễn Hoàng N1 với tổng số tiền 800.000 đồng, trong đó có 01 lần bị bắt quả tang vào lúc 10 giờ ngày 26/4/2023. Sau khi bắt quả tang, lực lượng Công an tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở và vùng phụ cận tại phòng số 8 và phòng số 9 của Phan Ngọc T thì phát hiện T có hành vi tàng trữ trái

phép 48,1955 gam ma túy loại Methamphetamine và 2,3556 gam ma túy loại Heroin mục đích dùng để bản thân Thùy sử dụng và bán cho người khác.

[3] Về tội danh: bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; đã thực hiện hành vi mua bán trái phép 2,3556 gam ma túy loại Heroin và 48,1955 gam ma túy loại Methamphetamine; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, khối lượng các chất ma túy mua bán trái phép và hậu quả xảy ra, thấy rằng Bản cáo trạng số: 47/CT-VKSBT-P1 ngày 19/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Phan Ngọc T về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung *“Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này”* theo điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về nguyên nhân, điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội; thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội; tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra: vì muốn có tiền tiêu xài và có ma túy sử dụng nên bị cáo đã thực hiện hành vi mua, bán trái phép chất ma túy. Ngày 23/04/2023, bị cáo mua 10.000.000 đồng ma túy, trong đó mua 2.000.000 đồng ma túy loại Heroin và 8.000.000 đồng ma túy loại Methamphetamine đem về cất giấu nhằm mục đích bán và sử dụng. Bị cáo đã bán cho Nguyễn Hoàng N1 03 lần ma túy loại Methamphetamine với tổng số tiền 800.000 đồng, trong đó vào ngày 26/4/2023 bị cáo đã bán cho Nguyễn Hoàng N1 khối lượng ma túy là 0,0510 gam loại Methamphetamine thì bị bắt quả tang; bán cho Nguyễn Thị Ngọc G 03 lần ma túy loại heroin với tổng số tiền 1.800.000 đồng và bán cho Nguyễn Huy C 03 lần ma túy loại heroin với tổng số tiền 1.800.000 đồng. Tiến hành khám xét tại phòng trọ bị cáo đang ở, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 48,1955 gam ma túy loại Methamphetamine và 2,3556 gam ma túy loại Heroin, số ma túy này bị cáo cất giấu nhằm mục đích bán lại cho người khác và sử dụng. Bị cáo biết rõ tác hại nguy hiểm của chất ma túy, nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ thu lợi bất chính và bản thân muốn có ma túy để sử dụng nên bị cáo đã bất chấp pháp luật, nhiều lần mua ma túy và bán trái phép chất ma túy cho người nghiện, đã thu lợi bất chính số tiền 4.400.000 đồng; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm hại đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, đã gây ra nhiều hệ quả xấu cho xã hội, chính ma túy đã gây tổn

hại cho sức khỏe của con người, làm suy giảm giống nòi, suy giảm đạo đức xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; lượng hình: bị cáo không có tiền án, không có tiền sự nên được xem là có nhân thân tốt; bị cáo nhiều lần bán trái phép chất ma túy cho người nghiện nên có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; *bị cáo đang nuôi con còn nhỏ, tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra. Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải áp dụng loại hình phạt theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm đặc biệt là các tội về ma túy đang gây ra nhiều hệ quả xấu khó lường trong xã hội hiện nay.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu VSMART màu đỏ, màn hình bị nứt, 01 sim điện thoại có số IMEI 8984-0480-0033-1330-504, số thuê bao 0394162872, đây là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động OPPO màu vàng, không có sim điện thoại và 01 điện thoại di động IPHONE màu trắng, không có sim điện thoại; do không liên quan đến vụ án và bị cáo có yêu cầu nhận lại nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với các vật chứng còn lại theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/7/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh B với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre, do bị cáo không có yêu cầu nhận lại và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Ghi nhận bị cáo đồng ý nộp lại số tiền thu lợi bất chính 4.400.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước trong tổng số tiền bị tạm giữ là 13.950.000 đồng.

- Đối với số tiền 13.950.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001411 ngày 28/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre, trong số tiền này có một khoản

tiền thuộc sở hữu của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên do bị cáo còn phải nộp lại số tiền 4.400.000 đồng thu lợi bất chính để sung ngân sách Nhà nước và nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng, nên cần tiếp tục tạm giữ số tiền này để bảo đảm thi hành án cho bị cáo, sau khi thi hành án xong số tiền còn dư sẽ được trả lại cho bị cáo.

[7] Về các vấn đề khác:

[7.1] Quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo và xử lý vật chứng của vụ án là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[7.2] Người bào chữa đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[7.3] Đối với Nguyễn Thị Ngọc G, Nguyễn Quốc C1 có hành vi mua bán trái phép chất ma túy tại phòng số A Nhà T, bị bắt quả tang cùng lúc với việc bắt quả tang Phan Ngọc T nhưng qua điều tra xác định không có đồng phạm với Phan Ngọc T nên đã tách vụ án chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố B để điều tra theo thẩm quyền.

[7.4] Đối với Dương Thị Hồng H1 không có cơ sở xác định có liên quan đến việc mua bán ma túy của bị cáo Phan Ngọc T nên không truy cứu trách nhiệm hình sự Dương Thị Hồng H1.

[8] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Phan Ngọc T phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Ngọc T 15 (mười lăm) năm tù, nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ 03 (ba) ngày (kể từ ngày 26/4/2023 đến ngày 29/4/2023), thời hạn còn

lại bị cáo phải chấp hành là 14 (mười bốn) năm 11 (mười một) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

** Trả lại cho bị cáo Phan Ngọc T:*

- 01 (một) điện thoại di động OPPO màu vàng, không có sim điện thoại;
- 01 (một) điện thoại di động IPHONE màu trắng, không có sim điện thoại;

** Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:*

- Số tiền 4.400.000 (bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu VSMART màu đỏ, màn hình bị nứt, 01 (một) sim điện thoại có số imei 8984-0480-0033-1330-504, số thuê bao 0394162872.

** Tịch thu tiêu hủy:*

- 01 (một) nỏ thủy tinh.
- 01 (một) bình sử dụng ma túy tự chế, phía dưới bằng thủy tinh, phía trên bằng nhựa có nắp đậy màu đỏ, trên nắp có gắn một nỏ thủy tinh và một ống nhựa (loại ống hút).
- 10 (mười) túi nylon màu trắng, kín ba phía, phía còn lại có rãnh khẹp và vạch màu đỏ, có cùng kích thước 05 x 8,5cm, bên trong rỗng; 15 (mười lăm) túi nylon màu trắng, kín ba phía, phía còn lại có rãnh khẹp và vạch màu đỏ, có cùng kích thước 05 x 9cm, bên trong rỗng.
- 01 (một) khoen sắt tròn có 05 (năm) chìa khóa kim loại màu trắng và một chìa khóa xe honda.

- 01 (một) giỏ xách nữ, trên giỏ xách có chữ “COACH NEW YORK”.

- 01 (một) bóp nhựa màu đen có dây kéo.

- 01 (một) phong bì niêm phong số 305/2023 có chữ ký ghi tên Võ Trung H2, Phan Trung T5 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh B, trên phong bì có ghi chữ: Mẫu vật ký hiệu K4: khối lượng 1,4442 gam ma túy, loại Methamphetamine; Mẫu vật ký hiệu K5 (tinh thể màu trắng đựng trong tám gói nylon); khối lượng 1,7403 gam ma túy loại Methamphetamine; Mẫu vật ký hiệu K5 (chất màu trắng đựng trong một gói nylon): khối lượng 0,1152 gam ma túy loại Heroin; Mẫu vật ký hiệu K5 (chất màu trắng đựng trong năm gói nylon): khối lượng

2,0497 gam ma túy loại Heroin; Mẫu vật ký hiệu K6: khối lượng 41,2504 gam ma túy loại Methamphetamine là chất ma túy hoàn lại sau giám định.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/7/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh B với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre).

* Tiếp tục tạm giữ số tiền 13.950.000 (mười ba triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0001411 ngày 28/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre để bảo đảm thi hành án cho bị cáo Phan Ngọc T. Bị cáo T phải nộp số tiền 4.400.000 (bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng do thu lợi bất chính và nộp số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Sau khi thi hành án xong còn dư số tiền 9.350.000 (chín triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng được trả lại cho bị cáo Phan Ngọc T.

3. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Phan Ngọc T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền và thời hạn kháng cáo: bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Nếu vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND phường A, Tp. Bến Tre (1b);
- UBND xã M, Tp. Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Thi hành án hình sự - TAND tỉnh (4b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (6b).
- Lưu Hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông